

Tăng trưởng vượt kỳ vọng

Mặc dù tăng dự báo lợi nhuận ròng năm 2026 lên 9,51 nghìn tỷ đồng (+34% svck, từ 9,35 nghìn tỷ đồng), chúng tôi giảm giá **mục tiêu 12 tháng xuống 110.000 đồng/cp (từ 115.000 đồng)**, dựa trên phương pháp SOTP, và hạ khuyến nghị xuống **KHẢ QUAN (từ MUA)**. Điều này phản ánh quan điểm thận trọng hơn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất neo ở mức cao. MWG hiện đang giao dịch P/E dự phóng năm 2026 ở mức 13,5x, thấp hơn so với mức trung bình 5 năm là 17x.

Luận điểm đầu tư

- Bước ngoặt lợi nhuận từ chuỗi bách hóa:** Việc thay đổi chính sách thuế đối với hộ kinh doanh cá thể từ thuế khoán sang thuế trên doanh thu góp phần cải thiện tính cạnh tranh của chuỗi bán lẻ hiện đại.
- Mảng sản phẩm công nghệ & điện máy dẫn phục hồi:** Được hỗ trợ từ nhu cầu thay mới/nâng cấp điện thoại và máy tính xách tay, và tình trạng thiếu hụt RAM góp phần hỗ trợ tăng giá bán.
- Kế hoạch IPO Điện Máy Xanh (DMX) dự kiến vào tháng 5/2026 mở ra tiềm năng định giá lại cho mảng này.**

Điểm nhấn ĐHCĐ

- Kế hoạch kinh doanh 2026:** Doanh thu 185 nghìn tỷ đồng (+19% svck) và lợi nhuận ròng 9,2 nghìn tỷ đồng (+30% svck).
- Tỷ lệ cổ tức tiền mặt năm 2025 tăng lên 20% mệnh giá (so với 10% trong năm 2024).**
- ESOP năm 2025** được thông qua với tỷ lệ 0,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, trong khi kế hoạch 2026 là tối đa 3 triệu cổ phiếu (0,2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).
- KQKD sơ bộ Q1/2026:** Doanh thu ước tính đạt 46,5 nghìn tỷ đồng (+29% svck). Lợi nhuận ròng đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+74% svck), trong đó mảng sản phẩm công nghệ & điện máy đóng góp 2,2 nghìn tỷ đồng (+47% svck) và mảng bách hóa đóng góp 500 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với Q1/2025 là 22 tỷ đồng. Theo đó, biên lợi nhuận ròng của chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX) tăng lên 3,6% trong Q1/2026 (từ 3,0% trong Q4/2025), mặc dù công ty vẫn đang mở rộng ra khu vực miền Bắc.

| Tỷ đồng | 2023 | 2024 | 2025 | 2026F |
|-----------------------------|---------|---------|---------|---------|
| Doanh thu thuần | 118.280 | 134.341 | 156.458 | 181.979 |
| Tăng trưởng doanh thu thuần | -11,3% | 13,6% | 16,5% | 16,3% |
| Biên lợi nhuận gộp | 19,0% | 20,5% | 19,4% | 20,3% |
| NPATMI | 168 | 3,722 | 7,037 | 9,332 |
| EPS (VND) | 114 | 2,535 | 4,792 | 6,350 |
| Tăng trưởng EPS | -95,9% | 2119,8% | 89,1% | 32,6% |
| Nợ/VCSH (x) | 1,08 | 0,97 | 0,90 | 0,70 |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 1% | 2% | 2% | 1% |
| ROE | 0,7% | 14,5% | 23,1% | 25,6% |
| P/E (x) | 373,3 | 24,0 | 18,6 | 13,8 |
| P/B (x) | 2,7 | 3,2 | 4,0 | 3,2 |
| EV/EBITDA | 11,4 | 9,3 | 10,1 | 8,2 |

Nguồn: MWG, SSI Research

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

| | |
|-----------------------------|-----------|
| Giá CP - VND (22/04/26) | 86.400 |
| Vốn hóa (USDmn): | 4.794 |
| SLCP lưu hành (triệu cp): | 1.468 |
| KLGD TB 3 tháng (triệu cp): | 9,3 |
| Giá cao/thấp 52T (k VND): | 93,7/56,5 |
| GTGD TB 3 tháng (USDmn): | 30,3 |
| Tỷ lệ SHNN (%): | 48,8 |
| GTNN còn được mua (USDmn): | 9,1 |
| Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): | 0,0 |

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

MWG – CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (trước đây là công ty TNHH Thế Giới Di Động) được thành lập vào tháng 3 năm 2004 với trong tâm chính là bán điện thoại di động và các sản phẩm công nghệ khác. Vào tháng 10/2004, cửa hàng đầu tiên được khai trương tại TP.HCM và được đặt tên là www.thegioioidong.com. Để thâm nhập vào thị trường điện tử, MWG đã mở chuỗi bán lẻ điện tử dưới tên Dienmay.com vào năm 2010. Năm 2015, công ty mở cửa hàng bách hóa đầu tiên mang tên Bách Hóa Xanh. Từ năm 2022, MWG bắt đầu hợp nhất tài chính chuỗi nhà thuốc An Khang vào báo cáo tài chính của mình. Cuối năm 2025, MWG có 1.012 cửa hàng thegioioidong và 2.008 cửa hàng Điệnmayxanh và 2.559 cửa hàng Bách Hóa Xanh.

Tại Đại hội đồng Cổ đông (ĐHCĐ) tổ chức ngày 18/4, cổ đông của MWG đã thông qua các nội dung sau:

- **Kế hoạch kinh doanh năm 2026:** Doanh thu 185 nghìn tỷ đồng (+19% svck) và lợi nhuận ròng 9,2 nghìn tỷ đồng (+30% svck). MWG giữ nguyên kế hoạch kinh doanh mặc dù chịu tác động kém tích cực từ bất ổn tại Trung Đông, có thể gây áp lực lên lạm phát và ảnh hưởng đến chi tiêu không thiết yếu.
- **Phân phối lợi nhuận năm 2025:** Tỷ lệ cổ tức tiền mặt tăng lên 20% mệnh giá cho năm 2025 (so với 10% trong năm 2024). Thời gian chi trả dự kiến vào Q3/2026 và Q4/2026.
- **ESOP dựa trên KQKD năm 2025** được phê duyệt ở mức 0,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Tỷ lệ này thấp hơn mức tối đa 1%, vốn chỉ đạt được nếu giá cổ phiếu MWG vượt hiệu suất VNIndex ít nhất 5%.
- **ESOP dựa trên KQKD năm 2026:**
Tỷ lệ phát hành: Tối đa 3 triệu cổ phiếu (0,2% số cổ phiếu đang lưu hành), phụ thuộc vào % hoàn thành kế hoạch kinh doanh và hiệu suất giá cổ phiếu MWG (vượt trội so với VNIndex).

| % hoàn thành kế hoạch lợi nhuận ròng | Tỷ lệ ESOP phát hành |
|--------------------------------------|---|
| <100% | 0 |
| 100% | 2.000.000 cổ phiếu |
| >100% | 2.000.000 + (tỷ lệ hoàn thành – 100) x 50.000 |

Nguồn: MWG, SSI Research

Nếu giá cổ phiếu MWG diễn biến kém hơn VNIndex, tỷ lệ phát hành ESOP sẽ giảm xuống còn 80% tỷ lệ được tính toán ở trên. Chúng tôi lưu ý tỷ lệ phát hành ESOP đã giảm dần qua các năm để đảm bảo sự hài hòa lợi ích với cổ đông.

- **KQKD sơ bộ Q1/2026:** Doanh thu ước tính đạt 46,5 nghìn tỷ đồng (+29% svck). Trong đó, mảng sản phẩm công nghệ & điện máy đóng góp 32,6 nghìn tỷ đồng (+34% svck), trong khi mảng bách hóa đóng góp 13,9 nghìn tỷ đồng (+26% svck). Lợi nhuận ròng dự kiến đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+74% svck), trong đó mảng sản phẩm công nghệ & điện máy chiếm 2,2 nghìn tỷ đồng (+47% svck) và mảng bách hóa chiếm 500 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với Q1/2025 đạt 22 tỷ đồng. Theo đó, biên lợi nhuận ròng của BHX tăng lên 3,6% trong Q1/2026 (so với 3,0% trong Q4/2025), mặc dù công ty vẫn đang mở rộng ra khu vực miền Bắc.

Ước tính lợi nhuận

Mảng sản phẩm công nghệ & điện máy: KQKD tích cực trong Q1/2026 một phần được hỗ trợ bởi xu hướng tích trữ hàng công nghệ trong bối cảnh giá sản phẩm công nghệ tăng, do tích hợp tính năng AI mới và tình trạng thiếu hụt RAM và chip. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng mặt bằng giá cao có thể dẫn đến nhu cầu giảm trong các quý tới, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát và lãi suất tăng. Do đó, tăng trưởng doanh thu mảng sản phẩm công nghệ & điện máy dự kiến chậm lại về mức một chữ số trong nửa cuối năm 2026, với doanh thu cả năm ước tính đạt 121 nghìn tỷ đồng (+14% svck). Nhờ giá bán tăng và mức tồn kho cao chuyển từ cuối năm 2025, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận sẽ cải thiện. Lợi nhuận ròng năm 2026 mảng này dự kiến đạt 7,8 nghìn tỷ đồng (+23% svck).

Mảng bách hóa: BHX dự kiến mở 1.000 cửa hàng bách hóa mới trên toàn quốc, đồng thời tăng cường hiện diện tại khu vực miền Bắc. Hiện công ty đang vận hành 100 cửa hàng tại khu vực miền Bắc, với doanh thu trên mỗi cửa hàng đạt kỳ vọng của ban lãnh đạo. Môi trường cạnh tranh của chuỗi bán lẻ hiện đại duy trì thuận lợi khi gánh nặng thuế gia tăng đối với hộ kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm, các hộ kinh doanh này chủ yếu hoạt động trong kênh bán lẻ truyền thống. Sự thay đổi chính sách này giúp BHX – chuỗi bách hóa hàng đầu – hưởng lợi đáng kể. Mặc dù đề xuất nâng ngưỡng doanh thu chịu thuế lên 1-2 tỷ đồng/năm có thể phần nào giảm áp lực lên người tiêu dùng cuối, việc chuyển đổi từ thuế khoán sang thuế dựa trên doanh thu tiếp tục tạo lợi thế cho kênh bán lẻ hiện đại. Các hộ kinh doanh phải chịu chi phí thiết lập ban đầu (chủ yếu phát sinh trong năm 2025) và chịu thêm chi phí kế toán định kỳ, góp phần củng cố lợi thế tương đối của BHX. Trong năm 2026, chúng tôi dự báo doanh thu của BHX đạt 59 nghìn tỷ đồng (+25% svck) và lợi nhuận ròng đạt 1,8 nghìn tỷ đồng (+122% svck).

Chúng tôi điều chỉnh dự báo lợi nhuận ròng năm 2026 của MWG lên 9,51 nghìn tỷ đồng (+34% svck, từ 9,35 nghìn tỷ đồng), cao hơn so với kế hoạch của công ty là 9,2 nghìn tỷ đồng (+30% svck).

| | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 | 2025 YoY | 2026 YoY |
|----------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------|------------|
| Doanh thu (nghìn tỷ đồng) | 118,3 | 134,3 | 156,5 | 182,0 | 16% | 16% |
| Sản phẩm công nghệ & điện máy | 83,5 | 89,5 | 105,7 | 120,8 | 18% | 14% |
| Mảng bách hóa | 31,6 | 41,0 | 46,9 | 58,7 | 14% | 25% |
| Mảng nhà thuốc | 2,2 | 2,3 | 2,2 | 2,4 | -4% | 10% |
| Lợi nhuận ròng (tỷ đồng) | 168 | 3.733 | 7.076 | 9.512 | 90% | 34% |
| Sản phẩm công nghệ & điện máy | 1.873 | 4.069 | 6.342 | 7.773 | 56% | 23% |
| Mảng bách hóa | (1.211) | 103 | 812 | 1.799 | 690% | 122% |
| Mảng nhà thuốc | (343) | (347) | (112) | (85) | N.a | N.a |
| Khác | (98) | - | - | 1 | | |

Nguồn: MWG, SSI Research

Luận điểm đầu tư

Sau KQKD Q1/2026 tốt hơn kỳ vọng, với lợi nhuận ròng đạt mức cao kỷ lục, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận ròng năm 2026 lên 9,51 nghìn tỷ đồng (+34% svck, từ 9,35 nghìn tỷ đồng).

Trong dự báo của chúng tôi, chúng tôi giả định mức doanh thu cao hơn bình thường của mảng sản phẩm công nghệ & điện máy trong Q1/2026 sẽ hạ nhiệt trong 6 tháng cuối năm, khi mức giá cao có thể làm suy giảm nhu cầu.

Trong khi đó, mảng bách hóa vẫn là động lực tăng trưởng chính trong dài hạn, nhờ xu hướng chuyển dịch từ kênh bán lẻ truyền thống sang kênh bán lẻ hiện đại. Xu hướng này tiếp tục được củng cố nhờ việc chuyển từ hình thức thuế khoán sang thuế dựa trên doanh thu đối với hộ kinh doanh từ năm 2026, qua đó góp phần cải thiện tính cạnh tranh của chuỗi bán lẻ hiện đại.

Chính phủ đang cân nhắc một số chính sách nhằm hỗ trợ tiêu dùng nội địa bao gồm:

1. Đề xuất nâng ngưỡng doanh thu chịu thuế hàng năm đối với hộ kinh doanh từ **500 triệu đồng lên 1-2 tỷ đồng**.
2. Nâng mức thu nhập xác định người phụ thuộc từ **1 triệu đồng/tháng lên 3 triệu đồng/tháng**.

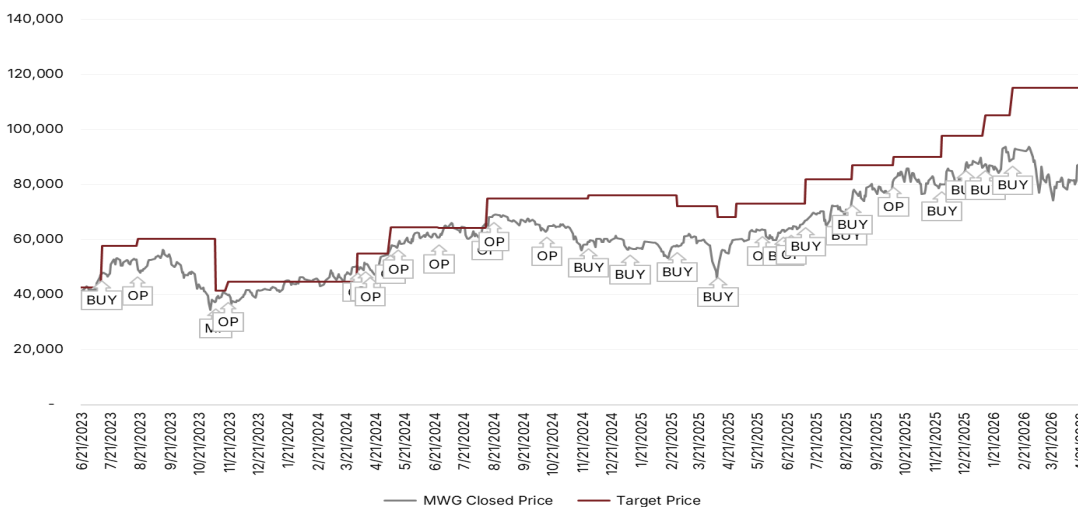
Mặc dù tăng dự báo lợi nhuận ròng năm 2026, chúng tôi giảm giá mục tiêu 12 tháng xuống 110.000 đồng/cp (từ 115.000 đồng) và hạ khuyến nghị xuống **KHẢ QUAN** (từ **MUA**). Điều này phản ánh quan điểm thận trọng hơn, trong bối cảnh lãi suất tiền gửi neo ở mặt bằng cao. Rủi ro: (1) Tiêu dùng không thiết yếu hồi phục chậm hơn dự báo. (2) Chi phí đầu tư ban đầu liên quan đến việc mở rộng ra khu vực miền Bắc cao hơn dự kiến.

IPO DMX – Yếu tố thúc đẩy trong ngắn hạn: Thương vụ IPO sắp tới của DMX được kỳ vọng sẽ thúc đẩy giá cổ phiếu trong ngắn hạn. Hiện hồ sơ IPO đang trong quá trình xem xét của cơ quan quản lý và dự kiến được triển khai vào tháng 5/2026. Mục tiêu của đợt IPO là tách riêng hoạt động sản phẩm công nghệ & điện máy của DMX khỏi mảng bách hóa, mang lại tiềm năng định giá lại cho doanh nghiệp.

| | Phương pháp định giá | Giá trị VCSH | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ đồng |
|-------------------------------|----------------------|--------------|--------------|----------------|
| Sản phẩm công nghệ & điện máy | P/E | 85.504 | 99% | 84.606 |
| Erablue | P/S | 15.300 | 45% | 6.885 |
| Mảng bách hóa | DCF | 72.157 | 95% | 68.513 |
| Mảng nhà thuốc | P/S | 1.452 | 100% | 1.452 |
| Định giá MWG | | | | 161.456 |
| SLCP lưu hành (triệu) | | | | 1.468 |
| Giá mục tiêu (Đồng) | | | | 109.949 |

Nguồn: MWG, SSI Research

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

| Tỷ đồng | 2024 | 2025 | 2026F |
|---|---------------|---------------|---------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | |
| Tiền và các khoản tương đương | 5.697 | 5.000 | 5.826 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 28.524 | 33.874 | 33.874 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 8.764 | 10.153 | 6.460 |
| + Hàng tồn kho | 22.245 | 27.267 | 35.546 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 544 | 921 | 1.780 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 65.774 | 77.215 | 83.487 |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 390 | 404 | 728 |
| + GTCL Tài sản cố định | 3.587 | 2.598 | 3.413 |
| + Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 |
| + Tài sản dài hạn dở dang | 25 | 91 | 91 |
| + Đầu tư dài hạn | 242 | 3.136 | 3.136 |
| + Tài sản dài hạn khác | 202 | 515 | 563 |
| Tổng tài sản dài hạn | 4.445 | 6.744 | 7.932 |
| Tổng tài sản | 70.219 | 83.959 | 91.419 |
| + Nợ ngắn hạn | 42.097 | 50.780 | 50.185 |
| Trong đó: vay ngắn hạn | 27.300 | 29.931 | 29.017 |
| + Nợ dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Trong đó: vay dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Tổng nợ phải trả | 42.097 | 50.780 | 50.185 |
| + Vốn góp | 14.622 | 14.697 | 14.697 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 558 | -153 | -153 |
| + Lợi nhuận chưa phân phối | 12.582 | 18.072 | 25.934 |
| + Quỹ khác | 359 | 563 | 755 |
| Vốn chủ sở hữu | 28.122 | 33.179 | 41.234 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 70.219 | 83.959 | 91.419 |
| Lưu chuyển tiền tệ | | | |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh | 8.511 | 6.148 | 5.898 |
| Dòng tiền từ hoạt động đầu tư | -10.937 | -6.712 | -2.700 |
| Dòng tiền từ hoạt động tài chính | 2.757 | 667 | -2.371 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 332 | 103 | 827 |
| Tiền đầu kỳ | 5.366 | 4.897 | 5.000 |
| Tiền cuối kỳ | 5.697 | 5.000 | 5.826 |
| Các hệ số khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,56 | 1,52 | 1,66 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 1,02 | 0,97 | 0,92 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | 0,81 | 0,77 | 0,79 |
| Nợ ròng / EBITDA | 2,33 | 1,94 | 1,66 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 5,24 | 6,87 | 10,87 |
| Ngày phải thu | 0,7 | 0,6 | 0,8 |
| Ngày phải trả | 29,1 | 32,2 | 31,1 |
| Ngày tồn kho | 75,3 | 71,6 | 79,0 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,40 | 0,40 | 0,45 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,60 | 0,60 | 0,55 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 1,50 | 1,53 | 1,22 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,97 | 0,90 | 0,70 |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu | 0,97 | 0,90 | 0,70 |

Nguồn: MWG, SSI Research

| Tỷ đồng | 2024 | 2025 | 2026F |
|--|----------------|----------------|----------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | |
| Doanh thu thuần | 134.341 | 156.458 | 181.979 |
| Giá vốn hàng bán | -106.842 | -126.164 | -145.085 |
| Lợi nhuận gộp | 27.499 | 30.294 | 36.893 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 2.377 | 3.107 | 2.389 |
| Chi phí tài chính | -1.188 | -1.543 | -1.161 |
| Thu nhập từ các công ty liên kết | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | -19.850 | -18.619 | -21.559 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -3.566 | -4.596 | -5.132 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.227 | 8.667 | 11.493 |
| Thu nhập khác | -401 | -31 | -38 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.826 | 8.636 | 11.455 |
| Lợi nhuận ròng | 3.733 | 7.076 | 9.512 |
| Lợi nhuận chia cho cổ đông | 3.722 | 7.037 | 9.332 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 11 | 39 | 180 |
| EPS cơ bản (VND) | 2.535 | 4.792 | 6.350 |
| Giá trị sổ sách (VND) | 18.993 | 22.203 | 27.542 |
| Cổ tức (VND/cổ phiếu) | 1.000 | 2.000 | 1.000 |
| EBIT | 5.963 | 10.107 | 12.616 |
| EBITDA | 8.876 | 11.998 | 14.501 |
| Tăng trưởng | | | |
| Doanh thu | 13,6% | 16,5% | 16,3% |
| EBITDA | 59,5% | 35,2% | 20,9% |
| EBIT | 179,0% | 69,5% | 24,8% |
| Lợi nhuận ròng | 2124,5% | 89,5% | 34,4% |
| Vốn chủ sở hữu | 20,4% | 18,0% | 24,3% |
| Vốn điều lệ | -0,1% | 0,5% | 0,0% |
| Tổng tài sản | 16,8% | 19,6% | 8,9% |
| Định giá | | | |
| P/E | 24,0 | 18,6 | 13,5 |
| P/B | 3,2 | 4,0 | 3,1 |
| Giá/Doanh thu | 0,7 | 0,8 | 0,7 |
| Tỷ suất cổ tức | 1,6% | 2,3% | 1,2% |
| EV/EBITDA | 9,3 | 10,1 | 7,9 |
| EV/Doanh thu | 0,6 | 0,8 | 0,6 |
| Các hệ số khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 20,5% | 19,4% | 20,3% |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động | 3,1% | 4,6% | 5,8% |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 2,8% | 4,5% | 5,2% |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần | 14,8% | 11,9% | 11,8% |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần | 2,7% | 2,9% | 2,8% |
| ROE | 14,5% | 23,1% | 25,6% |
| ROA | 5,7% | 9,2% | 10,8% |
| ROIC | 8,9% | 14,0% | 15,7% |

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321